

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/8/2023
*V/v ly hôn, nuôi con chung, cấp
dưỡng nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Thanh Cầm

2. Ông Lương Mạnh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị D**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: 110, P-ro 803beon-gil, G-gu, G1 (M-dong). Vắng mặt.

Người nhận tài liệu theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị D và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Hải đăng k kết hôn ngày 01/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc.

Sau khi kết hôn, chị D dạy học tại Trường Tiểu học – Trung học cơ sở xã B còn anh H đi làm công nhân ở mỏ khoáng sản thuộc xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và sống ở khu tập thể của trường học.

Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Trong năm 2011, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay đã 12 năm. Chị thấy rằng, giữa chị và anh H đã lâu không sống cùng nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh H, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D làm xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H1, sinh ngày 06/11/2011, cả hai con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con với số tiền là 2.500.000^d/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, anh H đã nhận được thông báo về các yêu cầu khởi kiện của chị D và đã gửi ý kiến của mình bằng văn bản về cho Tòa án với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị D kết hôn ngày 01/6/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, anh H đi làm công nhân ở mỏ khoáng sản thuộc xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Còn chị D dạy học tại Trường Tiểu học – Trung học cơ sở xã B, sống ở khu tập thể của trường.

Đến ngày 21/01/2007, chị D sinh con đầu tên là Nguyễn Thị D1. Sau khi sinh con xong chị D và con sống tại khu tập thể của T1, còn anh H đi làm xa nhưng cũng thường xuyên đi lại thăm nom hai mẹ con chị D. Đến ngày 06/11/2011 chị D sinh con thứ 2 là cháu Nguyễn Thu H1. Sau khi sinh, chị D và 2 con vẫn sinh sống tại khu tập thể của Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã B.

Trong năm 2011, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay đã 12 năm. Anh H xác định, giữa anh và chị D đã lâu không sống cùng nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện nay, công việc của anh hải tại Hàn Quốc rất ổn định nên không biết khi nào sẽ về Việt Nam. Chính vì vậy anh H nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị D, và đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận.

Về con chung: Anh H và chị D có 02 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H1, sinh ngày 06/11/2011.

Do đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên anh H nhất trí về việc chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 06/11/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn ly hôn, chị D có yêu cầu cấp dưỡng 2 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H2, sinh ngày 06/11/2011 với số tiền là 2.500.000^d/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị D, đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, do điều kiện công việc nên anh H không thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia quá trình giải quyết vụ án, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh ủy quyền cho mẹ anh là bà Hoàng Thị T nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị D, anh Nguyễn Văn H vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có bị đơn là anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Hàn Quốc). Do vậy theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Triệu Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Triệu Thị D và anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn với nhau từ năm 2006, trước khi kết hôn anh chị có sự tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Xác định hôn nhân giữa chị Triệu Thị D và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc. Sau khi chị D sinh con thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2011 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay và anh H cũng không xác định khi nào về Việt Nam sinh sống. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn và anh H cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị D về việc xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[4] Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H2, sinh ngày 06/11/2011, các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống cùng với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh H cũng nhất trí với yêu cầu của chị D. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con là tự nguyện và phù hợp với thực tế hiện anh H vẫn đang sinh sống và lao động ở Hàn Quốc và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H2, sinh ngày 06/11/2011 với số tiền là 2.500.000^d/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và anh H hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D và anh H đều thống nhất hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, 82, 83,84 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H2, sinh ngày 06/11/2011 cho chị Triệu Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Thu H2, sinh ngày 06/11/2011 với số tiền là 2.500.000^d/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 có nội dung:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Điều 468 có nội dung:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001365 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, xác nhận chị D đã nộp đủ án phí ly hôn. Chị Triệu Thị D tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng với số tiền 300.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Chị Triệu Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Phương Viên (1) ;
- THADS (1);
- Phòng KTNV (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Mạnh Hà

Vi Thanh Cẩm

Lý Thị Thúy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2);
- Các đương sự (3);
- THADS (1);
- Phòng KTNV (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- Các đương sự
- Cục THA tỉnh;
- Lưu HS
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Thị Thu Hường

